

HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC GIA (NIA) VÀ CÁN CÂN THANH TOÁN (BOP)¹

Châu Văn Thành

Trước khi trở thành một nhà kinh tế làm công việc phân tích về các mối quan hệ phức tạp giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, bạn cần phải có kiến thức đầy đủ về bản chất của các số đo thành quả kinh tế của một quốc gia. Bài viết này nhằm giúp chúng ta hiểu thêm về sự liên kết giữa các chỉ tiêu quan trọng, bao gồm: *tổng thu nhập khả dụng quốc gia* (GNDI, gross national disposable income) với *tài khoản vãng lai* (CA, current account), *tài khoản vãng lai* và *tài khoản vốn và tài chính* (KA, capital and financial account) của *cán cân thanh toán* (BOP), và sau cùng là sự kết nối giữa hai anh em sinh đôi - *NIA* và *BOP* - thông qua *CA*.

Bạn cần hiểu điều gì trong hạch toán thu nhập quốc gia (NIA)?

Bên cạnh chỉ tiêu rất quen thuộc GDP (gross domestic product)² hay *tổng sản phẩm trong nước* với ba phương pháp tính, bao gồm phương pháp chi tiêu, thu nhập và giá trị gia tăng, chúng ta cũng đã học về chỉ tiêu GNP (*tổng sản phẩm quốc gia*, giờ đây đã đổi tên thành GNI³ (gross national income), tạm dịch là *tổng thu nhập quốc gia*). Chỉ tiêu GNI được tính bằng cách lấy GDP cộng thêm phần *thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài* (NFP, net foreign payments from abroad).

Thu nhập yếu tố ròng hay thu nhập ròng từ nước ngoài (NFP) là các khoản thu nhập nhận trừ các khoản thu nhập thanh toán trong tài khoản vãng lai CA của cán cân thanh toán BOP. Trong đó, các khoản thu nhập nhận là số tiền mà người nước ngoài trả cho các cư dân trong nước từ các công việc được thực hiện ở nước ngoài, tiền lãi và cổ tức do nắm giữ tài sản nước ngoài, và thu nhập từ đầu tư trực tiếp (FDI) ra bên ngoài; các khoản thu nhập thanh toán bao gồm số tiền trả

¹ Các chữ viết tắt NIA và BOP lần lượt là National Income Accounting và Balance of Payments.

² GDP hay còn gọi là tổng sản phẩm trong nước là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định thường là một năm.

³ Giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ sau cùng được sản xuất ra bởi các cư dân của một nước ở một năm cho trước, bất kể sản lượng đó được sản xuất ra ở đâu (trong nước hay nước ngoài).

cho người nước ngoài bởi các cư dân (hay các công ty) trong nước, lãi và cổ tức trả cho người nước ngoài do họ nắm giữ các tài sản trong nước, và các khoản thu nhập do đầu tư FDI vào nước mình.

Để có chỉ tiêu *tổng thu nhập khả dụng quốc gia* GNDI, với ý nghĩa là thu nhập cuối cùng mà quốc gia toàn quyền sử dụng, chúng ta chỉ việc lấy GNI cộng thêm vào đó thành phần *chuyển nhượng ròng từ nước ngoài* (NTR, net transfers from abroad).

Chuyển nhượng ròng từ nước ngoài (NTR) là một thành phần của tài khoản vãng lai CA trong BOP, phản ánh các giao dịch một chiều như là viện trợ nước ngoài hay trợ giúp nhân đạo xuyên biên giới (ví dụ Hội Chữ thập Đỏ).

Tổng hợp lại, chúng ta có các đồng nhất thức như sau:

$$\text{GDP} = C + I + G + X - M$$

$$\text{GNI} = C + I + G + X - M + \text{NFP} = \text{GDP} + \text{NFP}$$

$$\text{GNDI} = C + I + G + X - M + \text{NFP} + \text{NTR} = \text{GDP} + \text{NFP} + \text{NTR} = \text{GNI} + \text{NTR}$$

Nếu gọi A là *tổng chi tiêu trong nước*, bao gồm chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình (C), chi đầu tư (I) và chi mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ (G), thì $A = C + I + G$.

Ngoài ra, $(X - M)$ chính là *cán cân thương mại* (TB) hay *xuất khẩu ròng* (NX); còn $(X - M + \text{NFP} + \text{NTR})$ là cán cân vãng lai (CA)

Ta có:

$$\text{GDP} - A = (X - M) = \text{NX}$$

Như trên đã đề cập, vì GDP có 3 cách tính (chi tiêu, thu nhập và giá trị gia tăng) nên ta có thể gọi GDP là thu nhập trong nước.

Thu nhập (trong nước, GDP) trừ đi *chi tiêu* (trong nước, A) chính bằng *cán cân thương mại* (TB) hay *xuất khẩu ròng* (NX). Như vậy, khi thu nhập nhỏ hơn (bằng, hay lớn hơn) chi tiêu thì cán cân thương mại (hay xuất khẩu ròng NX) sẽ có giá trị âm (bằng 0, hay dương). Ta nói cán cân thương mại thâm hụt (cân bằng, hay thặng dư).

Trong khi đó:

$$GNDI - A = (X - M + NFP + NTR) = CA$$

Thu nhập khả dụng quốc gia (GNDI) trừ đi *chi tiêu* (trong nước, A) bằng *cán cân vãng lai* (CA). Nói khác hơn, khi thu nhập khả dụng quốc gia nhỏ hơn (bằng, hay lớn hơn) chi tiêu thì cán cân vãng lai sẽ có giá trị âm (bằng 0, hay dương). Ta nói cán cân vãng lai thâm hụt (cân bằng, hay thặng dư).

Các khả năng xảy ra đối với CA và NX trong một quốc gia có thể được tóm tắt như sau:

Cán cân vãng lai CA		Cán cân thương mại NX	
GNDI > A	CA > 0	GDP > A	NX > 0
GNDI = A	CA = 0	GDP = A	NX = 0
GNDI < A	CA < 0	GDP < A	NX < 0

Xét góc độ mối quan hệ giữa đầu tư và tiết kiệm, chúng ta lại có một dạng đồng nhất thức khác trong NIA. Nhớ lại rằng tiết kiệm bằng thu nhập trừ đi chi tiêu tiêu dùng. Do vậy, ta có hai khái niệm *tiết kiệm trong nước* (S_d) và *tiết kiệm quốc gia* (S_n).

Tiết kiệm trong nước (S_d) được tính bằng cách lấy thu nhập trong nước (GDP) trừ đi chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình (C) và chi mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ (G).

$$GDP - C - G = S_d$$

Cộng và trừ về bên trái của đồng nhất thức bên trên một khoản thuế ròng T (có thể hiểu đơn giản rằng thuế ròng chính bằng thuế trừ đi các khoản chi chuyển nhượng của chính phủ), ta có:

$$[(GDP - T) - C] + [T - G] = S_p + S_g = S_d$$

Với $(GDP - T)$ là *thu nhập khả dụng của hộ gia đình* trong nền kinh tế, nên $[(GDP - T) - C]$ là *tiết kiệm của khu vực tư nhân* (hay tiết kiệm của các hộ gia đình, S_p). $[T - G]$ là thu trừ chi của chính phủ, do vậy ngoài tên gọi là *ngân sách chính phủ*, $[T - G]$ còn có tên gọi là *tiết kiệm của chính phủ* (S_g).

Bên cạnh đó, $GDP = C + I + G + X - M$, suy ra $GDP - C - G = I + X - M = S_d$

Nên ta cũng có:

$$S_d - I = X - M$$

Tiết kiệm trong nước (S_d) trừ đi chi tiêu đầu tư (trong nước, I) chính bằng cán cân thương mại (TB) hay xuất khẩu ròng (NX). Như vậy, khi tiết kiệm trong nước nhỏ hơn (bằng, hay lớn hơn) chi tiêu đầu tư trong nước (I) thì cán cân thương mại (hay xuất khẩu ròng, NX) sẽ có giá trị âm (bằng 0, hay dương). Ta nói cán cân thương mại thâm hụt (cân bằng, hay thặng dư).

Tổng kết đến đây, lập luận tổng quát về hạch toán thu nhập quốc gia NIA cho thấy rằng cán cân thương mại NX ít nhất đã có ba cách triển khai với các ý nghĩa khác nhau nhưng cùng bản chất kinh tế. Cách thứ nhất, NX bằng xuất khẩu (X) trừ nhập khẩu (M). Cách thứ hai, NX bằng tổng thu nhập trong nước (GDP) trừ đi tổng chi tiêu trong nước (A). Cách thứ ba, NX bằng hiệu số giữa tiết kiệm trong nước (S_d) và chi tiêu đầu tư trong nước (I).

Cách viết thứ tư của NX với hàm ý dòng tài trợ vốn từ bên ngoài. Chúng ta sẽ thấy rõ hơn khi xét đến cán cân thanh toán BOP. Câu hỏi đặt ra là nếu trong trường hợp NX là âm hay thâm hụt (có nghĩa là GDP nhỏ hơn A , hay tiết kiệm trong nước S_d nhỏ hơn đầu tư trong nước I), lấy đâu ra tiền để quốc gia nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu? (chi tiêu nhiều hơn thu nhập?, hay đầu tư nhiều hơn tiết kiệm?). Câu trả lời sẽ là từ dòng vốn vào ròng từ bên ngoài.

Đặt $(M - X) = S_f$ với ý nghĩa là dòng vốn vào ròng từ nước ngoài tài trợ cho cán cân thương mại thâm hụt (khi thu nhập nhỏ hơn chi tiêu). vậy $(X - M) = -S_f$.

Ta có:

$$I = S_d + S_f = S_p + S_g + S_f$$

Hàm ý rằng trong những nước đang phát triển thiếu vốn, cầu đầu tư trong nước (I) được tài trợ từ 3 nguồn cơ bản: tiết kiệm tư nhân S_p , tiết kiệm chính phủ S_g và tiết kiệm nước ngoài S_f .

Nếu tiến hành phân tích theo trật tự tương tự, thay vì bắt đầu bằng GDP, A và NX, chúng ta bắt đầu từ GNDI, A và CA, kết quả sẽ giúp tìm ra tiết kiệm quốc gia S_n .

Kết hợp tất cả các phân tích đến đây, ta có:

$$S_d - I = NX$$

$$S_n - I = CA$$

Tóm tắt:

Phân tích từ GDP	Phân tích từ GNDI
$GDP - A = NX$	$GNDI - A = CA$
$S_d - I = NX$	$S_n - I = CA$
$GDP - A = S_d - I$	$GNDI - A = S_n - I$
$A = C + I + G$	$A = C + I + G$
$S_d = GDP - C - G$	$S_n = GNDI - C - G$
$NX = X - M$	$CA = X - M + NFP + NTR$

Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán (Balance of Payments, BOP) là một bảng dữ liệu cung cấp thông tin về kết quả của các giao dịch quốc tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới thể hiện qua hai tài khoản chính, bao gồm *tài khoản vãng lai (CA)* và *tài khoản vốn và tài chính (KA)*. Tài khoản vãng lai ghi chép tất cả giao dịch hàng hóa và dịch vụ như giá trị xuất khẩu, nhập khẩu, các khoản nhận hay thanh toán thu nhập. Tài khoản vốn và tài chính⁴ ghi chép các khoản vay hay cho vay nước ngoài, các dòng đầu tư trực tiếp và gián tiếp với nước ngoài diễn ra trong một thời kỳ cụ thể - thường là một năm.

Một mô hình mô phỏng bảng ghi chép các giao dịch quốc tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới qua BOP⁵ như sau:

⁴ Từ năm 1993, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) thay “tài khoản vốn” bằng “tài khoản vốn và tài chính”, theo đó, tài khoản vốn (nằm trong tài khoản vốn và tài chính) chỉ bao gồm các khoản chuyển nhượng vốn đơn phương, như xóa nợ giữa các chính phủ. Do vậy, tài khoản vốn theo nghĩa này là một khoản mục không đáng kể trong cán cân thanh toán.

⁵ Hiện nay, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã bắt đầu áp dụng cách trình bày mới về Cán cân Thanh toán (BOP) theo hướng dẫn xuất bản mới nhất (BPM6 2014). Các khoản mục của Tài khoản Vãng lai (CA) như Xuất khẩu (X) và Nhập khẩu (M) hàng hóa và dịch vụ cũng tương tự. Tuy nhiên, trong hệ thống mới (BPM6), cả X và M đều ghi bên

	(+) (CÓ)	(-) (NỢ)
Tài khoản vãng lai (CA) (Bao gồm NX, NFP và NTR)	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Tài khoản vốn và tài chính (KA) (Bao gồm FDI, FPI, ODA...) Ngoài ra, có thể ghép vào đây thành phần EO (sai và sót), và thay đổi dự trữ ngoại hối (ΔFR)	Dòng vốn và tài chính vào	Dòng vốn và tài chính ra

Quy tắc ghi chép có tính quy ước trong BOP là nếu bạn thanh toán cho một cư dân nước ngoài để đổi lấy một thứ gì đó mang về trong nước thì kết quả đó ghi bên Nợ (debit hay “-“); và khi người nước ngoài thanh toán cho bạn để đổi một thứ gì đó thì ghi bên Có (credit hay “+”).

Mỗi giao dịch phát sinh sẽ được ghi bút toán kép trong BOP, một bên cột Có (credit) (“+”: nhận ngoại tệ) và một bên cột Nợ (debit) (“-“: trả ngoại tệ). Chính vì thế, tổng hợp lại, BOP luôn có kết quả zero: tổng bên Có bằng tổng bên Nợ).

Vậy chi tiết hơn thì khoản nào ghi vào cột “+” và khoản nào ghi vào cột “-“? Việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính cho người nước ngoài là khoản ghi “+” (Có) vì nhận ngoại tệ. Việc nhận hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính từ người nước ngoài là khoản ghi “-“ (Nợ) vì trả ngoại tệ. Có ba loại giao dịch chính trong BOP. Thứ nhất, giao dịch phát sinh từ xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ được ghi vào tài khoản vãng lai (CA) của BOP. Thứ hai, giao dịch phát sinh từ mua sắm tài sản tài chính được ghi vào tài khoản tài chính (trước đây được gọi là tài khoản vốn) của BOP. Thứ ba, giao dịch về tài sản phi sản xuất, phi tài chính và vô hình được ghi vào “tài khoản vốn” (một khoản xóa nợ giữa các chính phủ chẳng hạn).

số dương. Cán cân Thương mại (TB hay NX) vẫn là X-M. Trong khi khoản mục Thu nhập yếu tố ròng (“Income”) được gọi là Thu nhập sơ cấp (“primary income”) và các khoản Chuyển nhượng ròng (“Transfers”) được gọi là Thu nhập thứ cấp (“secondary income”). Cũng theo hệ thống mới, tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng mục sai và sót trừ tài khoản tài chính sẽ bằng zero (trong khi hệ thống cũ, cả bốn khoản mục cộng lại bằng zero).

Nếu bỏ qua thủ thuật ghi chép rắc rối này, chúng ta có thể hiểu đơn giản rằng, mỗi khi ngoại tệ vào hay quốc gia nhận được ngoại tệ thì ghi phía “+” (Có); và ngược lại, khi ngoại tệ ra hay chi ngoại tệ thì ghi bên phía “-” (Nợ).

Lưu ý đầu tiên là tất cả các khoản mục trong bảng BOP là biến lưu lượng (flow) không phải tích lượng (stock). Đây là những giao dịch xuất hiện trong một khoảng thời gian (quý hay năm).

Đối với cán cân vãng lai CA, khi CA thặng dư có nghĩa là quốc gia tích lũy tài sản ròng so với nước ngoài; ngược lại, khi CA thâm hụt có nghĩa là quốc gia vay ròng từ bên ngoài.

Tài khoản vốn và tài chính KA có ý nghĩa đặc biệt, đó là dòng vốn vào (người nước ngoài sở hữu thêm hay cho vay thêm đến người trong nước) trừ cho dòng vốn ra (người trong nước sở hữu thêm, cho vay thêm hay trả nợ cho người bên ngoài). Một cán cân KA thặng dư có nghĩa là dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra, có nghĩa là năm đó người nước ngoài sở hữu thêm tài sản hay cho vay ròng đối với trong nước.

Theo truyền thống, dấu của CA và KA thường nghịch nhau. CA thâm hụt thường đi kèm KA thặng dư và ngược lại. Ví dụ khi CA thâm hụt (quốc gia có thu nhập nhỏ hơn chi tiêu), do vậy KA thặng dư hàm ý dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra tài trợ và vì vậy người nước ngoài sở hữu thêm hay cho vay ròng đối với nước mình.

Trạng thái cán cân thanh toán BOP được xác định khi ta kết hợp kết quả của hai tài khoản CA và KA lại với nhau. Cán cân thanh toán BOP có thể là thâm hụt, cân bằng hay thặng dư. Tình trạng BOP có liên quan đến trạng thái cung và cầu trên thị trường ngoại hối. Mỗi khi BOP thặng dư thường đi kèm với dư cung ngoại hối.

Tình trạng thặng dư cung ngoại hối thường có nguồn gốc từ khu vực tư nhân và ngân hàng trung ương sẽ hấp thu thành dự trữ ngoại hối FR (ví dụ khi NHTU can thiệp vào thị trường ngoại hối để giữ tỷ giá ổn định nên mua vào lượng ngoại tệ dư thừa).

BOP thặng dư, cung lớn cầu trên thị trường ngoại hối, nội tệ có thể lên giá, quốc gia tích lũy và tăng FR. Ngược lại, BOP thâm hụt, cầu lớn cung trên thị trường ngoại hối, nội tệ có thể mất giá và quốc gia giảm FR. Chính vì thế, khi lấy CA cộng với KA sau đó kết hợp với ΔFR sẽ bằng

zero (giả sử để đơn giản là EO không đáng kể hay bằng không). Do vậy, con số zero này không có nghĩa là BOP cân bằng!

Thay đổi dự trữ ngoại hối ΔFR mang dấu âm “-” có nghĩa là dự trữ ngoại hối FR tăng. Ngược lại, ΔFR mang dấu dương “+” có nghĩa là dự trữ ngoại hối FR giảm.

Trong một quốc gia theo cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi, sẽ không có sự can thiệp của NHTU vào thị trường ngoại hối, nên $BOP = CA + KA = 0$; thay vào đó, tỷ giá hối đoái sẽ điều chỉnh để cân bằng cung và cầu trên thị trường ngoại hối.

Mối quan hệ giữa hạch toán thu nhập quốc gia và cán cân thanh toán

Trong phần trình bày về NIA và BOP bên trên, chúng ta thấy rằng các chỉ tiêu trong hai hệ thống này có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Để đơn giản, chúng ta hãy giả định rằng khoản mục NFP và NTR là không đáng kể (hay bù trừ lẫn nhau như trong Bảng 1 bên dưới). Do vậy, NX bằng CA và GDP cũng chính bằng GNDI (Phần thực tế phức tạp hơn sẽ dành cho các bạn thực hành trên dữ liệu thực của một quốc gia cụ thể của tình huống được yêu cầu). Đặt $GDP = Y$. Mối quan hệ này được biểu diễn lần lượt qua 4 cách viết về NX (hay hiểu rộng ra là CA) sau đây:

$$NX = X - M \quad [1]$$

$$NX = Y - A \quad [2]$$

$$NX = S_d - I \quad [3]$$

$$NX = CA = -KA - EO - \Delta FR \quad [4]$$

Thứ nhất, NX là cán cân hàng hóa và dịch vụ bán và mua với phần còn lại của thế giới (ROW); nếu xét CA thì bao gồm cán cân thương mại (NX) và các khoản thu nhập ròng từ nước ngoài (NFP) cộng với các khoản chuyển nhượng ròng từ nước ngoài (NTR). Thứ hai, cán cân giữa thu nhập (Y) và chi tiêu (A) của một nền kinh tế; thu nhập ở đây có thể là GDP hay là thu nhập khả dụng của quốc gia (GNDI) và chi tiêu (A) bao gồm chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình (C), đầu tư của doanh nghiệp (I) và chi mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ (G). Thứ ba, cán cân giữa tiết kiệm nội địa (S_d) hay quốc gia (S_n) (bao gồm tư nhân và chính phủ) và đầu tư nội địa (I) của

quốc gia đó. Cuối cùng, cán cân giữa cho vay và đi vay từ ROW, các dòng vốn này có thể kể đến như là FDI, FPI và các khoản vay.

Mô phỏng 1

Bảng 1: GDP và Cán cân thanh toán - Một ví dụ có tính giả thuyết (Quốc gia Z)

Tài khoản GDP quốc gia Z, 2005 (tr. đôla)		Cán cân thanh toán quốc gia Z, 2005 (tr. Đôla)	
Tiêu dùng (C)	1000	Cán cân vãng lai (CA)	-50
Đầu tư (I)	200	Cán cân hàng hoá	-200
Chi tiêu chính phủ (G)	300	Cán cân dịch vụ	150
Xuất khẩu (X)	500	Thu nhập đầu tư ròng	-25
Nhập khẩu (M)	550	Chuyển nhượng đơn phương	25
<hr/>			
GDP (C+I+G+X-M)	1450	Cán cân Vốn và Tài chính (KA)	25
A	1500	Đầu tư trực tiếp ròng	-125
		Đầu tư gián tiếp ròng	150
		Sai và sót (EO)	-25
		Thay đổi dự trữ chính thức (ΔFR)	50

Số liệu bảng mô phỏng trên cho thấy quốc gia Z mua nhiều sản lượng cuối cùng hơn là nó sản xuất. Chúng ta biết điều này vì C+I+G (chi tiêu nội địa A) lớn hơn tổng GDP (1500 so 1450). Để điều này có thể khả thi, quốc gia Z phải nhập khẩu (M) nhiều hơn xuất khẩu (X). Ở bảng bên trái, M lớn hơn X là 50, cũng chính bằng A lớn hơn GDP. Phần bảng bên phải, BOP, thể hiện giao dịch của quốc gia Z với phần còn lại của thế giới. Tài khoản vãng lai CA thâm hụt, quốc gia Z mua nhiều từ nước ngoài hơn là bán cho nước ngoài. (Mặc dù CA trong BOP không luôn luôn bằng với $(X-M)$, thường thì hai kết quả CA và $NX=(X-M)$ khá gần với nhau). Thặng dư của tài khoản vốn và tài chính (KA) thể hiện dòng vốn vào ròng từ nước ngoài, để tài trợ cho thâm hụt của CA.

Nguồn: trích từ David Moss (2007)

Kiểm tra số liệu trên bằng cách áp vào công thức 4 cách viết NX

4 cách viết NX	Kiểm tra bằng số
$NX = X - M$	$500 - 550 = -50$
$NX = Y - A$	$1450 - 1500 = -50$
$NX = S_d - I$	$(1450 - 1000 - 300) - 200 = -50$
$NX = CA = -KA - EO - \Delta FR^6$	$-(150-125) - (-25) - (50) = -50$

Mô phỏng 2

Đây là một mô phỏng khác mang tính giả định có thể giúp bạn hình dung mối quan hệ giữa NIA và BOP. Giả sử có 3 quốc gia A, B và C lần lượt có tình trạng của tiết kiệm và đầu tư khu vực tư nhân, ngân sách chính phủ và cán cân thương mại như sau:

Nước	$(S_p - I)$	$(T - G)$	$(X - M)$
A	-4	-5	-9
B	+9	-5	+4
C	+5	-10	-5

Câu hỏi đặt ra là:

- 1 CA và KA của các nước này nhiều khả năng thặng dư hay thâm hụt?
- 2 Trong từng nước, khu vực nào nhiều khả năng vay ròng từ khu vực nào?

Câu trả lời gợi ý như sau:

Nước	$(S_p - I)$	$(T - G)$	$(X - M)$	CA	KA	Tình trạng
A	-4	-5	-9	Thâm hụt	Thặng dư	Cả hai khu vực tư nhân và chính phủ vay ròng từ nước

⁶ Theo định nghĩa BOP, $CA + KA + EO + \Delta FR = 0$

						ngoài
B	+9	-5	+4	Thặng dư	Thâm hụt	Khu vực tư nhân cho vay ròng đến khu vực chính phủ và khu vực nước ngoài.
C	+5	-10	-5	Thâm hụt	Thặng dư	Khu vực tư nhân và khu vực nước ngoài cho vay ròng đến khu vực chính phủ.

Suy luận kết quả CA có được là do NX thường chiếm tỷ trọng lớn và quyết định trạng thái CA. Trong khi đó, suy luận kết quả KA là do theo truyền thống, dấu của CA và KA thường là nghịch nhau. Nếu hai suy luận này là đúng thì suy luận trả lời cho câu hỏi thứ hai sẽ là:

- Nước A: KA thặng dư, dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra và cả hai khu vực tư nhân và chính phủ đều thâm hụt nên đây là cả hai khu vực này vay ròng từ phần còn lại của thế giới.
- Nước B: KA thâm hụt, dòng vốn vào nhỏ hơn dòng vốn ra và khu vực tư nhân thặng dư lớn trong khi khu vực chính phủ thâm hụt nên nhiều khả năng khu vực tư nhân cho vay ròng đến khu vực chính phủ và khu vực nước ngoài.
- Nước C: KA thặng dư, dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra và khu vực tư nhân thặng dư đi kèm khu vực chính phủ thâm hụt rất lớn nên nhiều khả năng khu vực tư nhân và khu vực nước ngoài cho vay ròng đến khu vực chính phủ.

Tài liệu tham khảo

David A. Moss (2014), *A Concise Guide to Macroeconomics – What Managers, Executives, and Students Need to Know*, *Harvard Business School Press*, 2nd edition.

N. Gregory Mankiw (2012), *Kinh tế học Vĩ mô*, NXB Cengage Learning, Bản in Tiếng Việt 2014. [Principles of Macroeconomics, 6th edition, Cengage Learning]

Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, and Marc J. Melitz (2012), *International Economics: Theory and Policy*, Ninth Edition, Pearson Publisher.

Phụ lục 1

Một cách ghi nhớ trong cách tính toán các chỉ tiêu trong NIA là:

- 1 Gộp (Gross) và Ròng (Net) khác nhau ở Khấu hao (Depreciation: D)
 - Đầu tư gộp (I) - Khấu hao (D) = Đầu tư ròng
 - GDP - Khấu hao = NDP
- 2 Quốc dân (National) và Quốc nội (Domestic) khác nhau ở khoản thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài (NFP)
 - GNP – NFP = GDP
- 3 Giá thị trường (Market Prices: MP) khác với Chi phí sản xuất (Factor Costs: FC) ở Thuế gián thu ròng (T_i)
 - $GDP_{MP} - GDP_{FC} = T_i$

Phụ lục 2

Để hiểu rõ hơn bài viết này, bạn cần đọc qua một số thuật ngữ quan trọng sau đây: (Nguồn: Lược trích và giải thích thêm từ mục *Thuật ngữ*⁷ - David Moss, 2014).

⁷ David A. Moss (2014), *A Concise Guide to Macroeconomics – What Managers, Executives, and Students Need to Know*, *Harvard Business School Press*, 2nd edition.

Các tài khoản kinh tế quốc dân (National economic accounts) là tên gọi khác của các tài khoản GDP, bao gồm các số đo GDP cũng như các thành phần chủ yếu như là tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ, xuất khẩu, và nhập khẩu.

Sản lượng (Output) chỉ hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong một nền kinh tế.

Sản lượng tiềm năng (Potential output) là mức sản lượng (GDP) một nền kinh tế có thể sản xuất, ứng với tình trạng công nghệ hiện hữu cho trước, nếu tất cả các nguồn lực của nền kinh tế (lao động và vốn) được sử dụng ở một mức cường độ bền vững. Khi sản lượng thực tế thấp một cách đáng kể so sản lượng tiềm năng, nền kinh tế được gọi là suy thoái; khi sản lượng thực tế cao hơn đáng kể so mức sản lượng tiềm năng, nền kinh tế được gọi là nóng lên.

Tổng sản phẩm trong nước (hay tổng sản phẩm quốc nội hay tổng sản phẩm nội địa) (Gross domestic product (GDP)) là thước đo được chấp nhận rộng rãi nhất về tổng sản lượng của một quốc gia thường được định nghĩa như là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ sau cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ một nước ở một năm cho trước.

Tổng sản phẩm quốc dân (Gross national product (GNP hay GNI)) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ sau cùng được sản xuất ra bởi các cư dân của một nước ở một năm cho trước, bất kể sản lượng đó được sản xuất ra ở đâu (như là sản xuất ra trong nước mình hay nước ngoài). Theo ngữ nghĩa kỹ thuật, GNP bao gồm các khoản nhận thu nhập ròng từ nước ngoài (đôi lúc còn được gọi là các khoản thu nhập yếu tố quốc tế ròng).

Sản phẩm quốc nội ròng (Net domestic product (NDP)) bằng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trừ khấu hao trừ lượng vốn.

Tiêu dùng (Consumption) là thành phần của GDP bao gồm tất cả các khoản chi tiêu của hộ gia đình vào hàng hóa và dịch vụ mới cho việc sử dụng hiện hành.

Đầu tư (Investment) là thành phần của GDP mà bao gồm tất cả các khoản chi tiêu được hướng vào sự gia tăng sản lượng hàng hóa và dịch vụ sau cùng trong tương lai. Chi tiêu đầu tư thường bao gồm các khoản mua sắm phục vụ kinh doanh về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phần mềm, và tồn kho, cũng như chi phí mua nhà ở mới. Nhiều nước bao gồm cả đầu tư của chính phủ như chi tiêu vào cầu và đường mới.

Khấu hao (Depreciation) chỉ sự giảm giá trị của vốn cố định do hao mòn hữu hình (do sử dụng), thiệt hại hay tàn phá, hay lỗi thời. Thuật ngữ “khấu hao” cũng có thể được sử dụng đối với đồng tiền của một quốc gia hay tài sản tài chính khác để chỉ sự giảm giá trị do các điều kiện thị trường.

Chi tiêu chính phủ (Government expenditure) là thành phần của GDP mà bao gồm tất cả chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ, ở tất cả các cấp chính phủ (liên bang, bang và địa phương), nhưng không bao gồm các khoản thanh toán chuyển nhượng (như là phúc lợi hay bảo hiểm xã hội). Định nghĩa này có thể bao gồm hay không bao gồm chi tiêu của chính phủ cho trữ lượng vốn cố định, phụ thuộc vào cách thức quốc gia phân loại đầu tư của chính phủ (như là một khoản chi tiêu chính phủ hay một khoản đầu tư).

Các khoản thanh toán chuyển nhượng (Transfer payments) là các khoản thanh toán – thông thường bởi chính phủ dưới dạng phúc lợi hay an sinh xã hội – mà không gắn với sản xuất ra sản lượng. Các khoản thanh toán chuyển nhượng không được tính vào chi tiêu chính phủ (G) trong việc tính toán GDP.

Xuất khẩu (Exports - X) là tổng kim ngạch mua sắm của nước ngoài đối với hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước.

Nhập khẩu (Imports - M) là tổng kim ngạch mua hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ở nước ngoài của người trong nước.

Cán cân hàng hóa và dịch vụ (Balance on goods and services) là kết quả xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trừ nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, với từ “hàng hóa” chỉ các sản phẩm hữu hình và từ “dịch vụ” chỉ các sản phẩm vô hình (như vận tải biển, hoạt động ngân hàng đầu tư, hay các dịch vụ tư vấn).

Cán cân thương mại hay xuất khẩu ròng (Trade balance, net exports (TB hay NX)) là kết quả xuất khẩu trừ nhập khẩu. Khái niệm này có thể sử dụng hoặc như cán cân hàng hóa hay cán cân hàng hóa và dịch vụ trong hạch toán thu nhập quốc dân.

Thu nhập yếu tố ròng hay thu nhập ròng từ nước ngoài (net income/net factor receipts - NFP) là các khoản thu nhập nhận trừ các khoản thu nhập thanh toán trong tài khoản vãng lai của BOP. Các khoản thu nhập nhận bao gồm số tiền được trả bởi người nước ngoài cho các cư dân trong nước (ví dụ trả cho các công việc được thực hiện ở nước ngoài), tiền lãi và cổ tức từ người nước

ngoài trả cho việc nắm giữ tài sản nước ngoài của người trong nước, và thu nhập được tái đầu tư vào FDI bên ngoài; các khoản thu nhập thanh toán bao gồm số tiền được trả cho người nước ngoài bởi các cư dân (hay các hãng) trong nước, lãi và cổ tức được trả cho người nước ngoài từ việc nắm giữ các tài sản trong nước của người nước ngoài, và các khoản thu nhập tái đầu tư vào FDI của nền kinh tế trong nước.

Chuyển nhượng đơn phương ròng hay chuyển nhượng ròng từ nước ngoài (net unilateral transfers/net transfers – NTR) là một thành phần của cán cân vãng lai trong BOP, phản ánh các giao dịch một chiều như là viện trợ nước ngoài hay trợ giúp nhân đạo xuyên biên giới (ví dụ Hội Chữ thập Đỏ).

Phương pháp chi tiêu (Expenditure method) là phương pháp tính GDP dựa vào các khoản chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ sau cùng hay cuối cùng. Theo cách tiếp cận này, GDP của một quốc gia bằng với tổng của các khoản chi tiêu tiêu dùng, chi tiêu đầu tư, chi tiêu chính phủ, và xuất khẩu ròng (xuất khẩu trừ nhập khẩu).

Thu nhập (Income) là phương pháp tính GDP dựa vào các khoản thanh toán cho lao động và vốn cho những đóng góp lần lượt của chúng vào việc sản xuất ra sản lượng; được phân phối dưới hình thức tiền lương và tiền công, lợi nhuận, lãi, các khoản thu từ cho thuê, và thu nhập bản quyền.

Giá trị gia tăng (Value Added) là phương pháp tính GDP, còn gọi là phương pháp sản xuất, dựa vào giá trị sản lượng được đo lường bằng cách lấy giá bán trừ đi chi phí các nhập lượng không phải lao động được sử dụng để sản xuất ra nó.

Mức giá (Price level) là mức trung bình của tất cả giá cả (hay các giá cả của một nhóm hàng hóa) tại một thời điểm cho trước. Thay đổi phần trăm của mức giá từ một năm này sang năm tiếp theo là tỷ lệ lạm phát hàng năm.

Chỉ số khử giá (Price deflator hay price index – chỉ số giá) là thước đo về mức giá. Chỉ số khử giá GDP (P) bằng GDP danh nghĩa chia cho GDP thực.

Lạm phát (Inflation) chỉ sự gia tăng của mức giá cả trung bình của một nền kinh tế. Thuật ngữ này đôi lúc được sử dụng như là cách viết tắt cho “lạm phát giá tiêu dùng”, mà nó thể hiện sự gia

tăng của mức giá cả tiêu dùng trung bình (ví dụ, như đã được phản ánh bởi một sự gia tăng chi phí của một rổ hàng hóa tiêu dùng có tính đại diện).

Danh nghĩa (Nominal) là một cách đo lường được biểu diễn theo giá cả thị trường hiện hành và do vậy không được điều chỉnh theo lạm phát – ví dụ, GDP danh nghĩa, tiền lương danh nghĩa, lãi suất danh nghĩa, tỷ giá hối đoái danh nghĩa.

Thực (Real) là một thước đo được thể hiện theo giá không đổi hay giá cố định, và do vậy nó đã được điều chỉnh lạm phát (ví dụ GDP thực, tiền lương thực, lãi suất thực, tỷ giá hối đoái thực).

Các tài khoản cán cân thanh toán (Balance of payments accounts - BOP) ghi chép tóm tắt các giao dịch xuyên biên giới của một quốc gia, thường ở một năm nào đó. Một khái niệm chuẩn hơn thường gặp trong các giáo trình, BOP là kết quả ghi chép giao dịch kinh tế giữa cư dân trong nước với nước ngoài.

Tài khoản vãng lai (Current account - CA) là một tài khoản chính trong BOP ghi chép lại các giao dịch quốc tế của một quốc gia bao gồm xuất khẩu trừ đi nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thu nhập yếu tố ròng, và chuyển nhượng ròng từ nước ngoài. Trong trường hợp cán cân vãng lai thâm hụt, thể hiện vay ròng từ nước ngoài - khoản này sẽ được phản ánh trong tài khoản vốn và tài chính.

Tài khoản vốn (Capital account) là một khoản mục trong tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP phản ánh chuyển nhượng vốn đơn phương, ví dụ như miễn xóa nợ của một quốc gia bởi chính phủ của một nước khác. Trước thập niên 1990, “tài khoản vốn” trong BOP ghi chép tất cả các dòng vốn (tài chính) xuyên biên giới, nhưng hiện nay tài khoản này tách ra thành khoản mục “tài khoản tài chính” nằm trong tài khoản vốn và tài chính.

Tài khoản tài chính (Financial account) là một khoản mục chủ yếu trong tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP ghi chép lại các giao dịch tài chính quốc tế của một quốc gia, bao gồm các dòng đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài ròng.

Khoản sai và sót (Errors and omissions - EO) là một loại số dư trong BOP phản ánh sai số thống kê trong việc biên soạn dữ liệu BOP.

Thay đổi dự trữ chính thức (Change in Official reserves - ΔFR) là một thành phần của tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP, thể hiện sự tăng hay giảm của trữ lượng ngoại tệ và vàng của chính phủ.

Vay nước ngoài (Foreign borrowing) là dòng vốn vào từ bên ngoài. Các dòng vào này (hay vay) có thể dưới nhiều dạng, bao gồm tiền gửi của nước ngoài ở các ngân hàng trong nước, mua chứng khoán trong nước của nước ngoài (bao gồm cổ phiếu và trái phiếu), đầu tư trực tiếp nước ngoài (bao gồm mua các công ty trong nước của nước ngoài), v.v... Một quốc gia gắn với vay ròng từ bên ngoài bất cứ khi nào cán cân vãng lai của nó thâm hụt, điều này chỉ rõ rằng chi tiêu của quốc gia vượt quá sản xuất sản lượng của nó.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign direct investment (FDI)) liên quan đến việc mua cổ phần đầu tư vốn trong một công ty mà cổ phần này đủ lớn (thường là lớn hơn 10%) cho phép người sở hữu nước ngoài có ảnh hưởng về mặt quản lý đối với công ty.

Đầu tư gián tiếp hay đầu tư tài chính (Portfolio investment, portfolio flows – các dòng vào gián tiếp (FII hay FPI)) liên quan đến việc mua cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác xuyên biên giới, nhưng không đủ lớn hay đủ tập trung để cho phép ảnh hưởng quản lý. Đầu tư gián tiếp đôi lúc được gọi là “tiền nóng” (hot money) vì các nhà đầu tư gián tiếp có thể bán các tài sản tài chính đang nắm giữ và rút ra khỏi quốc gia hầu như vào thời khắc nhạy cảm.